TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
I	**Các ngành, nhóm ngành đào tạo bằng Tiếng Việt**			
1	TLA106	Công nghệ thông tin	A00, A01, D01, D07	23.00
2	TLA116	Hệ thống thông tin	A00, A01, D01, D07	21.00
3	TLA117	Kỹ thuật phần mềm	A00, A01, D01, D07	21.00
4	TLA126	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	A00, A01, D01, D07	21.00
5	TLA127	An ninh mạng	A00, A01, D01, D07	21.00
6	TLA105	Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí (gồm các ngành: Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy)	A00, A01, D01, D07	19.00
7	TLA123	Kỹ thuật Ô tô	A00, A01, D01, D07	21.00
8	TLA120	Kỹ thuật cơ điện tử	A00, A01, D01, D07	20.00
9	TLA112	Kỹ thuật điện	A00, A01, D01, D07	20.00
10	TLA121	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00, A01, D01, D07	20.00
11	TLA124	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00, A01, D01, D07	20.00
12	TLA128	Kỹ thuật Robot và Điều khiển thông minh	A00, A01, D01, D07	20.00
13	TLA101	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	A00, A01, D01, D07	17.00
14	TLA104	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng) (*)	A00, A01, D01, D07	19.00
15	TLA111	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A00, A01, D01, D07	17.00

16	TLA113	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00, A01, D01, D07	17.00
17	TLA114	Quản lý xây dựng	A00, A01, D01, D07	19.00
18	TLA102	Kỹ thuật tài nguyên nước (Quy hoạch, thiết kế và quản lý công trình thủy lợi)	A00, A01, D01, D07	17.00
19	TLA107	Kỹ thuật cấp thoát nước	A00, A01, D01, D07	17.00
20	TLA110	Xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị (Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)	A00, A01, D01, D07	17.00
21	TLA103	Tài nguyên nước và môi trường (Thủy văn học)	A00, A01, D01, D07	17.00
22	TLA119	Công nghệ sinh học	A00, A02, B00, D08	17.00
23	TLA109	Kỹ thuật môi trường	A00, A01, B00, D01	17.00
24	TLA118	Kỹ thuật hóa học	A00, B00, D07	17.00
25	TLA401	Kinh tế	A00, A01, D01, D07	21.00
26	TLA402	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	22.00
27	TLA403	Kế toán	A00, A01, D01, D07	21.00
28	TLA404	Kinh tế xây dựng	A00, A01, D01, D07	19.00
29	TLA407	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07	21.00
30	TLA406	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, D01, D07	21.00
31	TLA405	Thương mại điện tử	A00, A01, D01, D07	21.00
32	TLA203	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D07, D08	20.00

33	TLA408	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	21.00
34	TLA409	Kiểm toán	A00, A01, D01, D07	21.00
35	TLA410	Kinh tế số	A00, A01, D01, D07	21.00
36	TLA301	Luật	A00, A01, C00, D01	21.00
II	**Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh**			
1	TLA201	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến)	A00, A01, D01, D07	17.00